

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thu Cúc;
- Ông Hoàng Văn Dũng.

- Thư ký phiên toà: bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Nông Thị D, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn X, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- **Bị đơn:** anh Hà Văn T, sinh năm 1985, địa chỉ: thôn X, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị D trình bày và yêu cầu Toà án giải quyết các nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Hà Văn T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu khoảng 01 năm thì hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 04-5-2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là chị đi

làm công ty lâu không về thăm nhà nên anh Hà Văn T có nghi ngờ chị quan hệ ngoại tình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau nhưng thực tế anh Hà Văn T là người có quan hệ với người con gái khác. Từ năm 2020 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm nên từ cuối năm 2020 đến nay chị đã chuyển về nhà ngoại sinh sống và vợ chồng đã chính thức sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh Hà Văn T.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Hà Văn N, sinh ngày 12-11-2011, hiện đang ở cùng anh Hà Văn T. Khi ly hôn, chị yêu cầu anh Hà Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Văn N đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn T trình bày: về quá trình tìm hiểu và thời gian kết hôn, chị Nông Thị D trình bày là đúng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì nhưng đến tháng 12 năm 2023, chị Nông Thị D đi làm công ty rồi về nói vợ chồng không còn chung sống được cùng nhau nữa và không nói rõ lý do. Sau đó chị Nông Thị D lại đi làm công ty tiếp từ đó đến nay không về nhà. Anh có tìm cách liên lạc nhưng không được và từ đó cũng không gửi tiền về cho anh nuôi con nữa. Nay chị Nông Thị D yêu cầu ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Hà Văn N, sinh ngày 12-11-2011. Khi ly hôn, anh nhất trí với yêu cầu của chị Nông Thị D để anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hà Văn N đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và chị Nông Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Hà Văn N trình bày nguyện vọng: mong muốn được ở cùng bố là anh Hà Văn T khi bố mẹ ly hôn, vì cháu đã sống cùng bố ổn định từ trước đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nông Thị D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả cho anh Hà Văn T được biết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: về tố tụng, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị D, xử cho chị Nông Thị D ly hôn với anh Hà Văn T và anh Hà Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hà Văn N cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con, chị Nông Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Trích lục kết hôn; giấy tờ tùy thân; giấy khai sinh của con chung; các biên bản tổng đạt văn bản tố tụng; bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, ...

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Chị Nông Thị D và anh Hà Văn T có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và có một con là cháu Hà Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nông Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Hà Văn T cư trú tại thôn X, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Nông Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt; tại biên bản lấy lời khai ngày 12-7-2024 anh Hà Văn T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của đương sự không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nông Thị D và anh Hà Văn T có đăng ký kết hôn số 34, ngày 04-5-2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Xét thấy, chị Nông Thị D và anh Hà Văn T đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng tồn tại mâu thuẫn, mặc dù hai bên trình bày chưa phù hợp về nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân, tuy nhiên cả hai đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và nhất trí ly hôn đã được thể hiện trong các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nông Thị D và anh Hà Văn T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nông Thị D yêu cầu ly hôn với anh Hà Văn T là có căn cứ quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Nông Thị D và anh Hà Văn T có 01 con chung là cháu Hà Văn N, sinh ngày 12-11-2011. Xét thấy, chị Nông Thị D yêu cầu anh Hà Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được anh Hà Văn T nhất trí, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Mặt khác anh Hà Văn T khẳng định có đủ điều kiện để nuôi con với mức thu nhập trung bình từ 5.000.000 đồng - 6.000.000 đồng/tháng, đảm bảo điều kiện về điều kiện về nơi ở ổn định cho việc sinh sống và học tập cho con chung, hiện cháu Hà Văn N cũng đang ở cùng anh Hà Văn T. Do đó, việc giao con chung cho anh Hà Văn T sẽ đảm bảo được về điều kiện tốt nhất cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho con chung. Do vậy, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc để anh Hà Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hà Văn N cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Hà Văn T không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: chị Nông Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nông Thị D được ly hôn với anh Hà Văn T.

2. Về con chung: Anh Hà Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hà Văn N, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2011, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nông Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005659 ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND xã Vạn Linh, huyện C;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phan Thị Thanh Huyền